

UBND QUẬN NGŨ QUYỀN
TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp (%)				
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hành kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)					58.15	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					38.77	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)						
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)						
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		100	99,13	99,1		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)			0,87	0,9		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)						
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					58.15	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					38.77	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)						
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)						
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)						
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		58.27	44,98	52,02		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		30.21	37,12	34,53		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		11.06	17,47	13		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)			0,43	0,45		
III	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					100	
1.1	Áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT						



	ngày 12/12/2011					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					58.15
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					37.77
1.2	Áp dụng đổi với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021					
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)		3	3	3	
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)			1		
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận	20				
2	Cấp thành phố	6				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	4				
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	227				227/227
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					54.6/227
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					38.3/227
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					7.1
VII	Số học sinh thi đỗ lớp 10 - THPT					
1	Trường công lập (tỷ lệ so với tổng số)					118
2	Trường ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					76
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	509/463	142/151	114/115	125/98	128/99
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2			1	1

P. Đồng Quốc Bình, ngày 26 tháng 8 năm 2024

HIỆP TRƯỞNG



Vũ Hoa Huệ